

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BM
TỈNH VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2021

*“V/v Tranh chấp Ly hôn
và nuôi con chung khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông N V T;

Ông S M.

- Thư ký phiên tòa: Ông C V T S – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 323/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị L T L A, sinh năm 1982 – Có mặt.

Địa chỉ: Khóm ĐT, phường ĐT, thị xã BM, tỉnh VL.

- *Bị đơn:* Anh Đ D K, sinh năm 1984 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 1, K 5, phường TP, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn chị L T L A trình bày: Vào năm 2011 chị L A và anh K do quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 10/2012, quyển số 01/2012 tại Ủy ban nhân dân phường ĐT, thị xã BM, tỉnh VL theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Đ L N B L, sinh ngày 15/12/2012 và Đ B L, sinh ngày 07/7/2017, hiện hai con sống cùng cha mẹ. Vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị L A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn anh Đ D K, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 1, K 5, phường TP, thị xã BM, tỉnh VL.

+ Về con chung: Chị L A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Đ L N B L, sinh ngày 15/12/2012 và Đ B L, sinh ngày 07/7/2017, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai đề ngày 22 tháng 11 năm 2020 và biên bản hòa giải ngày 03 tháng 12 năm 2020, anh Đ D K trình bày: Anh K xác nhận về hôn nhân, về con chung và tài sản chung đúng như lời trình bày trong đơn khởi kiện của chị L T L A. Trong quá trình chung sống với chị L A có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, thậm chí có lúc xô xát nhau do bất đồng quan điểm sống. Anh K nhận thấy những khuyết điểm của bản thân và cam kết khắc phục để vợ chồng đoàn tụ lo cho các con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai đề ngày 06/11/2020 của cháu Đ L N B L trình bày: Cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ và xin vắng mặt tại các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử do cháu bận đi học.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Do vợ chồng không còn tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, phần do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị L A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ngoài ra không ý kiến trình bày thêm.

- Bị đơn anh K: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Bị đơn hiện đang cư trú tại thị xã BM, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị L T L A và anh Đ D K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị L A và anh K thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống và thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin

ly hôn của chị L T L A là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 9 và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L T L A và anh Đ D K có hai người con chung tên Đ L N B L, sinh ngày 15/12/2012 và Đ B L, sinh ngày 07/7/2017.

Xét yêu cầu của chị L A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, chị L A không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 993/2020/QĐ-CCTLCC, ngày 21 tháng 12 năm 2020 yêu cầu chị L A và anh K cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện để nuôi con. Qua đó chị L T L A cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện để nuôi con gồm:

- Sao kê thu nhập của chị L A và xác nhận mức lương;
- Xác nhận nơi ở của bé của bé B L, B L.

A K không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Xét nguyện vọng của cháu B L có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Hội đồng xét xử nhận định như sau: Để đảm bảo cho việc phát triển về thể chất, tinh thần của cháu Đ L N B L và Đ B L, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L A giao cháu Đ L N B L và Đ B L cho chị L A trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, anh K không cấp dưỡng nuôi con. Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L A và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị L T L A là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 và Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L T L A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L T L A được ly hôn với anh Đ D K.
2. Về con chung: Chị L T L A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đ L N B L, sinh ngày 15/12/2012 và Đ B L, sinh ngày 07/7/2017, anh K không cấp dưỡng nuôi con.

Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L A và anh K không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị L T L A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị L A được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010533, ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị L A đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân dân thị trấn VL: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

N T L T